

Bản án số: 08/2019/DS-ST

Ngày: 26/6/2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Vũ Linh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. **Ông Nguyễn Lơn.**

2. **Bà Trần Thị Hiến**

-Thư ký phiên tòa: **Bà Bùi Thị Bích** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 26/6/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 73/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà LƯU THỊ THU T - sinh năm: 1972.**

Địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: **Bà TRẦN THỊ T - sinh năm: 1968.**

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn - bà Lưu Thị Thu T trình bày: Năm 2016 bà có cho bà T mượn 05 chỉ vàng 96% có lập 01 giấy mượn tiền. Trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến năm 2017 bà T đã trả được 04 chỉ vàng và hiện tại còn nợ lại 01 chỉ vàng 96%. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc bà T phải trả cho bà 01 chỉ vàng 96%, không yêu cầu tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt nên không thể hiện được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Lưu Thị Thu T khởi kiện buộc bị đơn bà Trần Thị T phải trả cho bà T 01 chỉ vàng loại 96%. Xác định đây là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện.

[3]. Về nội dung vụ án: Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ mà đương sự đã cung cấp đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Năm 2018 bà Lưu Thị Thu T và bà Trần Thị T tự nguyện xác lập giao dịch dân sự về hợp đồng vay 05 chỉ vàng, không thỏa thuận lãi suất. Bà T đã trả được 04 chỉ vàng, nay bà T yêu cầu bà T trả 01 chỉ vàng còn nợ.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả 01 chỉ vàng, Hội đồng xét xử thấy rằng, giao dịch về hợp đồng vay tài sản giữa bà T và bà T là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ, cụ thể là phải trả 01 chỉ vàng 96% là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về án phí: Giá vàng loại 96% tại thời điểm xét xử là 3.700.000 đồng/chỉ x 01 chỉ vàng loại 96% = 3.700.000 đồng. Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463; Điều 466 và Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Trần Thị T phải trả cho bà Lưu Thị Thu T 01 chỉ vàng loại 96%.

Quy định: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Bà Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Lưu Thị Thu T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0006397 ngày 18/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TX. N;
- Chi cục THADS TX. N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Vũ Linh